

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-4-2023.  
V/v tranh chấp “Ly hôn, phân chia  
tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trương Phước Công;
- Ông Nguyễn Văn Hồng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, phân chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim Q, sinh năm 2003; nơi cư trú: số 97, ấp 1, xã HT, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn DE, sinh năm 1989; nơi cư trú: số 473, ấp PT2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị G, sinh năm 1966; nơi cư trú: số 473, ấp PT2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang, (vắng mặt);

3.2. Ông Trần Văn V, sinh năm 1965; nơi cư trú: số 473, ấp PT2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang, (vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn bà Võ Thị Kim Q trình bày:* Bà và ông Trần Văn DE cưới nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã KA. Hôn nhân do mai mối và được cha mẹ quyết định. Sau khi cưới vợ chồng lên Bình Dương sinh sống và làm việc. Thời gian sống chung vợ chồng thường hay mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm hay cãi nhau, chồng hay uống rượu, mâu thuẫn về tài chính tiền bạc. Đến khoảng trước tết nguyên đán vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn DE; về con chung: không có; về nợ chung: không có; về tài sản chung; vợ chồng có 01 chiếc xe Honda nhãn hiệu Wave RSXFI biển số 67L2-748.98 do chồng đứng tên sở hữu. Tại thời điểm mua xe có giá 26.500.000 đồng. Khi ly hôn yêu cầu chồng chia tài sản trên và yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe. Ngoài ra còn có 5 chỉ vàng cưới 24kara (9999) hiện nay cha mẹ chồng là ông Trần Văn V và bà Trần Thị G đang giữ, yêu cầu ông Văn, bà G trả lại cho vợ chồng 5 chỉ vàng đồng thời yêu cầu được chia 2,5 chỉ.

*Bị đơn ông Trần Văn DE trình bày:* Thống nhất như vợ trình bày về thời gian cưới nhau. Hôn nhân do mai mối và được cha mẹ quyết định. Sau khi cưới vợ chồng lên Bình Dương sinh sống và làm việc, cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc. Tuy nhiên trước tết nguyên đán vợ có xin về nhà cha mẹ ruột chơi, tuy nhiên không hiểu vì sao vợ về nhà cha mẹ sống và ly thân khoảng 03 tháng. Nay vợ yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ muốn vợ chồng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Về con chung và nợ chung: không có. Về tài sản chung: Lúc cưới nhau cha mẹ ông có cho vợ chồng 10 chỉ vàng 24k (9999). Sau đó vợ chồng đã bán 5 chỉ để mua 1 xe Honda hiệu Wave RSX FI biển số 67L2- 748.98 do ông đứng tên sở hữu. Còn lại 05 chỉ do vợ chồng đi làm trên Bình Dương có gửi lại cho cha mẹ ruột là ông Trần Văn Văn và bà Trần Thị G cất giữ. Tuy nhiên từ lúc vợ chồng ly thân ông đã lấy lại bán tiêu xài hết. Tài sản chung còn lại là chiếc xe Honda hiệu Wave RSX FI biển số 67L2- 748.98 do anh đứng tên và đang quản lý. Trường hợp nếu Tòa án cho vợ chồng ly hôn ông đồng ý chia  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe cho vợ theo định giá của Hội đồng định giá. Riêng đối với 05 chỉ vàng anh không đồng ý chia vì anh đã bán tiêu xài hết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị G trình bày:* Bà là mẹ ruột của Trần Văn Diên Em là mẹ chồng của Võ Thị Kim Q việc vợ chồng Q, DE mâu thuẫn như thế nào bà không rõ, bà cũng khuyên vợ chồng hàn gắn để chung sống lại, nếu không hàn gắn được thì yêu cầu Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết. Riêng đối với tài sản lúc đám cưới vợ chồng bà có cho Q, DE 10 chỉ vàng 24 kara (9999). Lúc vợ chồng Q, DE đi làm trên Bình Dương có gửi lại nhờ vợ chồng bà giữ dùm. Tuy nhiên, do không có phương tiện đi lại nên Q, DE đã lấy lại 05 chỉ bán mua xe để làm phương tiện đi lại. Còn lại 05 vàng 24 kara (9999) hiện nay vợ chồng bà đang giữ, nếu ly hôn thì vợ chồng bà sẽ trả lại 05 chỉ vàng trên cho vợ chồng Q, DE.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Văn* đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vắng mặt không lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bà Võ Thị Kim Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với 05 chỉ vàng do ông Trần Văn Văn và bà Trần Thị G đang giữ.

Ông Trần Văn DE đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Võ Thị Kim Q, đồng ý chia tài sản của vợ chồng là chiếc xe Honda hiệu Wave RSX FI biển số 67L2- 748.98 do ông đứng tên sở hữu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

*\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

*\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:*

- Đối với nguyên đơn: bà Võ Thị Kim Q, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: ông Trần Văn DE, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72, và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị G, ông Trần Văn Văn, từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên. tại phiên tòa vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 33, 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình quyết định;

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Kim Q và ông Trần Văn DE.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Q đối với 05 chỉ vàng 24 kara do ông Trần Văn Văn, bà Trần Thị G đang giữ.

- Ông Trần Văn DE được sở hữu xe mô tô biển số 67L2-748.98 và có nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản được chia cho bà Võ Thị Kim Q là 12.200.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về thủ tục tố tụng:

[1]. Bà Võ Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn DE. Ông DE có nơi cư trú tại ấp PT 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Văn, bà Trần Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

\* Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim Q và anh Trần Văn DE xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà Q trình bày thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông DE thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng cự cãi và đã ly thân. Bà xác định tình cảm không thể tồn tại và hàn gắn được; cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn DE. Tại phiên tòa ông Trần Văn DE đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q. Đó đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Kim Q và ông Trần Văn DE.

[4]. Về con chung: Do bà Võ Thị Kim Q và ông Trần Văn DE xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Kim Q trình bày, khi đám cưới cha mẹ chồng có cho 10 chỉ vàng sau đó vợ chồng bán 05 chỉ vàng để mua xe mô tô Honda hiệu Wave RSX FI biển số 67L2- 748.98 với giá 26.500.000 đồng do ông DE đứng tên và đang quản lý sử dụng, khi ly hôn bà Q yêu cầu chia tài sản tương đương 13.250.000 đồng. Đối với 05 chỉ vàng còn lại hiện nay do cha mẹ chồng là ông Trần Văn Văn và bà Trần Thị G đang giữ, bà yêu cầu chia đôi, nhận giá trị 2,5 chỉ vàng 24K. Ông Trần Văn DE thống nhất như bà Q trình bày, khi cưới cha mẹ ông có cho vợ chồng 10 chỉ vàng 24K sau đó bán 05 chỉ mua xe, còn lại 05 chỉ gửi cha mẹ ông cất giữ dùm. Tuy nhiên, lúc vợ chồng ly thân ông đã lấy lại bán tiêu xài hết nên không đồng ý chia 05 chỉ vàng 24K, đồng ý chia tài sản chung là chiếc xe Honda hiệu Wave RSX FI biển số 67L2- 748.98 theo định giá.

[5.1]. Tại phiên tòa, bà Q rút lại yêu cầu khởi kiện đòi với 05 chỉ vàng 24K do ông Văn, bà G đang giữ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự nguyện rút

lại yêu cầu khởi kiện của bà Q nên Hội đồng xét xử căn Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu này.

[5.2]. Đối với xe mô tô biển số 67L2- 748.98, quá trình giải quyết bà Q yêu cầu được chia, ông DE cũng đồng ý chia tài sản trên cho bà Q. Tại biên bản định giá tài sản ngày 23/3/2023 đối với chiếc xe Honda hiệu Wave RSX FI biển số 67L2- 748.98 có giá là 24.400.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Q và ông DE thống nhất ông DE được tiếp sở hữu xe mô tô biển số 67L2- 748.98 và có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản được chia cho bà Q số tiền 12.200.000 đồng.

[6]. Về nợ chung: ghi nhận bà Q, ông DE xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập, giải quyết.

[7]. Về chi phí tố tụng: bà Q đã nộp chi phí định giá 300.000 đồng, tại phiên tòa ông Trần Văn DE tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên. Do đó, ông DE có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị Kim Q số tiền định giá 300.000 đồng.

[8]. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 217, 244, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 55, 57, 33 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Kim Q và xử như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Kim Q và Trần Văn DE. Giấy chứng nhận kết hôn số 154 do Ủy ban nhân dân xã KA, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022 không còn giá trị pháp lý.

- Về tài sản chung: ông Trần Văn DE được tiếp sở hữu xe Honda hiệu Wave RSX FI biển số 67L2- 748.98 và có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản được chia cho bà Võ Thị Kim Q số tiền 12.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Q đối với 05 chỉ vàng 24K do ông Trần Văn Văn, bà Trần Thị G đang giữ.

\* Về án phí:

+ Bà Võ Thị Kim Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) và án phí tài sản được chia là 610.000 (sáu trăm mười nghìn) đồng. Tổng cộng 910.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 957.000 đồng (chín trăm năm mươi bảy nghìn) theo biên lai thu số 0013251 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 14 tháng 02 năm 2023. Chị Võ Thị Kim Q được hoàn lại số tiền chênh lệch 47.000 (bốn mươi bảy nghìn) đồng.

+ Ông Trần Văn DE phải chịu án phí tài sản được chia là 610.000 (sáu trăm mười nghìn) đồng.

+ Ông Trần Văn DE có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị Kim Q số tiền chi phí định giá 300.000 đồng (ba trăm nghìn).

*Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã KA, huyện Chợ Mới, t. An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Dương**











**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

- (7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.
- (9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
- (10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.
- (11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
- (13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
- (14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thăng Lợi).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
- (15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
- (16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
- (17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
- (18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
- (22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
- (23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
- (24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
- (25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phân tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.
- (26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã

được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: